

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 23/2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương
Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST -HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1958.

Bị đơn: Ông Tào Văn D, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và ông Tào Văn D tổ chức cưới năm 1988 và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình trạng tinh thần bị căng thẳng, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Tào Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Tào Văn D có 02 con chung là: Cháu Tào Diệu L, sinh ngày 14/12/1989 và cháu Tào Anh T, sinh ngày 05/9/1999. Hiện nay hai cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tào Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông D thống nhất như kiến trình bày của bà T về thời điểm, điều kiện chung sống của vợ chồng. Sau khi cưới, vợ chồng không đi đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 là từ khi bà T về hưu vợ chồng mới bắt đầu mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, những việc lớn trong gia đình, bà T tự quyết định mà không bàn bạc với ông. Vợ chồng đã sống ly thân, bà T không quan tâm đến ông. Nay bà T có đơn xin ly hôn, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý. Ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

- Về con chung: Ông D thống nhất với trình bày của bà T về số con chung của vợ chồng và tên tuổi của hai con. Hiện nay hai con ông đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đoàn Thị T và ông Tào Văn D là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Bà Đoàn Thị T và ông Tào Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 1988 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Các bên không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy là hôn nhân không hợp pháp. Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000: Không công nhận bà Đoàn Thị T và ông Tào Văn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông D công nhận có 02 con chung là cháu Châu Tào Diệu L, sinh ngày 14/12/1989 và cháu Tào Anh T, sinh ngày 05/9/1999. Hiện nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà T và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Đoàn Thị T và ông Tào Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận bà Đoàn Thị T và ông Tào Văn D có 02 con chung là cháu Cháu Tào Diệu L, sinh ngày 14/12/1989 và cháu Tào Anh T, sinh ngày 05/9/1999. Hiện nay các cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà T và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh

